

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Đề án “Quản lý hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện đến năm 2020” theo Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 1111/STTTT-TTBCXB ngày 12/8/2020 của Sở Thông tin và Truyền thông “V/v báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ”, Ủy ban nhân dân huyện Kbang báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. Kết quả triển khai thực hiện Đề án

1. Công tác chỉ đạo hướng dẫn

Triển khai thực hiện Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Quản lý hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện đến năm 2020”; Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai “về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Quản lý hoạt động truyền thanh- truyền hình cấp huyện đến năm 2020” trên địa bàn tỉnh Gia Lai”, ngày 12/9/2018, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Quản lý hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện đến năm 2020”. Sau gần 02 năm triển khai thực hiện, trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều kết quả nhất định, góp phần phát triển hệ thống truyền thanh - truyền hình huyện trên cơ sở hiện trạng, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tập trung hiện đại hóa trang thiết bị, xây dựng nội dung chương trình phù hợp đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của người dân địa phương đặc biệt là người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại, ứng dụng số hóa trong sản xuất, lưu trữ và truyền dẫn các chương trình phát thanh của hệ thống truyền thanh - truyền hình huyện.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu từ năm 2018 đến năm 2020

- Số lượng các cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện được trang bị thiết bị sản xuất chương trình phát thanh số: 01 cơ sở, đạt 100% so với mục tiêu của Đề án.
- Số lượng các cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện được trang bị thiết bị lưu trữ số: 01 cơ sở, đạt 100% so với mục tiêu của Đề án.
- Số lượng người làm việc tại cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện được tham gia tập huấn cung cấp thông tin chuyên đề: 08, đạt 100% kế hoạch.
- Số lượng người làm việc tại cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện được đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật công nghệ thông tin: 08 người, đạt 100% so với mục tiêu của Đề án., đạt 100% kế hoạch.
- Số lượng người làm việc tại cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tiếng dân tộc thiểu số: 04 người, đạt 50% số lượng người làm việc.
- Số lượng cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện được trang bị hệ thống truyền thanh không dây: 01 cơ sở, đạt 100% so với mục tiêu của Đề án.
- Số lượng trạm phát lại truyền hình còn hoạt động: Không.

- Số lượng trạm phát lại phát thanh còn hoạt động: 12 Đài Truyền thanh xã.
- Số lượng cơ sở truyền thanh cấp xã thuộc địa bàn huyện vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp được sóng của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện: 11/12 cơ sở.
- Số lượng cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện và trạm phát lại truyền thanh - truyền hình được nâng cấp theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020: Không

3. Đánh giá công tác thông tin, tuyên truyền của các cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

3.1. Số lượng các chương trình tự sản xuất của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (trung bình/tháng: từ 2018 đến 30/8/2020). So sánh số liệu trước và sau khi sáp nhập (nếu có): là 47 chương trình/tháng. Mỗi ngày tự sản xuất 01 chương trình tiếng phổ thông từ 15 đến 20 phút, phát sóng 03 lần (sáng-trưa-chiều). Mỗi tuần tự sản xuất 03 chương trình thời sự, 01 chương trình văn nghệ tiếng Bahnar, có thời lượng trung bình 15 phút, mỗi chương trình được phát 02 lần (sáng-chiều); không thay đổi so với trước.

3.2. Thời lượng các chương trình tự sản xuất của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (từ 2018 đến 30/8/2020). So sánh số liệu trước và sau khi sáp nhập: là 525 phút tiếng phổ thông/tháng, 240 phút tiếng Bahnar/tháng; không thay đổi so với trước.

3.3. Số lần phát sóng của cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (trung bình/ngày: từ 2018 đến 30/8/2020). So sánh số liệu trước và sau khi sáp nhập: 03 lần/ngày; không thay đổi so với trước.

3.4. Thời lượng tiếp sóng chương trình phát thanh của VOV và của Đài PTTH tỉnh (trung bình phút/tháng: từ 2018 đến 30/8/2020). So sánh số liệu trước và sau khi sáp nhập : là 8.400 phút/tháng; không thay đổi so với trước.

4. Số lượng các cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện đã thực hiện sáp nhập với các đơn vị sự nghiệp khác trên địa bàn theo tinh thần Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 25/10/2017 (số liệu tính đến 30/8/2020): 01 cơ sở

Số lượng các đài truyền thanh - truyền hình hoạt động độc lập (số liệu tính đến 30/8/2020): Không.

5. Việc bố trí ngân sách địa phương và các nguồn lực khác để triển khai thực hiện Đề án

Tổng kinh phí: 2.545.854.000đ.

(năm 2019: 1.310.854.000đ; năm 2020: 1.235.000.000đ).

Trong đó:

5.1. Kinh phí từ các Chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia: Không

5.2. Kinh phí tự cân đối của các địa phương: 2.545.854.000 đồng

5.3. Nguồn xã hội hóa: Không

III. Đánh giá chung

1. Mặt làm được

Đã cơ bản đạt được mục tiêu đề ra là phát triển hệ thống truyền thanh-truyền hình huyện trên cơ sở hiện trạng, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tập trung hiện đại hóa trang thiết bị, xây dựng nội dung chương trình phù hợp, đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của người dân địa phương; đặc biệt là người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, hạn chế:

Máy phát, thiết bị sản xuất đã được đầu tư, nhưng số lượng bộ thu truyền thanh không đầy bố trí cho các thôn, làng còn ít; một số Đài Truyền thanh xã chưa duy trì thường xuyên việc tiếp, phát sóng các chương trình của cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện nên hiệu quả tuyên truyền đến nhân dân chưa cao. Kinh phí dành cho thù lao, nhuận bút đối với các chương trình tự sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu.

2.2. Nguyên nhân: Ngân sách nhà nước cấp có hạn, trong khi đó việc thu từ dịch vụ và nguồn xã hội hóa quá ít.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn tới

1. Phương hướng chung:

Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống truyền thanh-truyền hình huyện trên cơ sở hiện trạng, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tập trung hiện đại hóa trang thiết bị, xây dựng nội dung chương trình phù hợp, đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của người dân địa phương; đặc biệt là người dân vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại trong sản xuất, lưu trữ và truyền dẫn các chương trình phát thanh của hệ thống truyền thanh – truyền hình huyện.

2. Xây dựng mục tiêu và các nhóm nhiệm vụ trọng tâm:

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng;
- Nâng cao chất lượng nội dung chương trình;

V. Đề xuất, kiến nghị cho giai đoạn tiếp theo

1. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ:

Cần thiết phải duy trì hệ thống truyền thanh- truyền hình cấp huyện nhưng phải có quy định thống nhất trong cả nước về mô hình hoạt động này.

2. Đề xuất, kiến nghị với Bộ, ngành có liên quan: Xem xét, tạo điều kiện cho những người làm việc tại các cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện được kết nạp vào Hội Nhà báo, được cấp thẻ Nhà báo để thuận lợi trong hoạt động nghề nghiệp; tăng nguồn kinh phí dành cho thù lao, nhuận bút đối với các chương trình tự sản xuất để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 308/QĐ-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ. *U*

Nơi nhận:

- Sở TT&TT;
- Phòng VH&TT;
- Trung tâm VH&TT&TT;
- Lưu VT, VP, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Phán

